

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/KDTM-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Kim Long
- Ông Dương Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 83/2020/TLST- KDTM ngày 24/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 582/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 435/2024/QĐST-KDTM ngày 09/9/2024 và Quyết định ngừng phiên tòa số 35/2024/QĐST-KDTM ngày 27/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: Số S, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Đ (có mặt)

Địa chỉ: Số S, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị H

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Ngô Thị H: Ông Lê Nhật A (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: G, Phường R, quận T, Tp.Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Nguyễn Công N (có mặt)

Địa chỉ: G, Phường R, quận T, Tp.Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Kim C (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thụy Thảo V (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH Thương mại Ng

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị H (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S2, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 12/12/2018, nguyên đơn Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty TNHH C) và Hộ kinh doanh của Bà Ngô Thị H (tên dùng trong giao dịch là Nhà phân phối Ng) ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 70193744/2018/HĐMB-CCBVL (Hợp đồng) với một số nội dung cơ bản như sau:

Nguyên đơn sẽ bán cho Hộ kinh doanh của Bà Ngô Thị H (sau đây gọi là Nhà phân phối) các sản phẩm do nguyên đơn sản xuất hoặc phân phối với mức giá do nguyên đơn quy định tùy từng thời điểm.

Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, quy trình mua bán diễn ra theo thứ tự như sau: Nhà phân phối đặt hàng; Nhân viên của nguyên đơn thông báo lịch thanh toán và ngày giao hàng; Nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT); Nguyên đơn giao và Nhà phân phối Nhận hóa đơn GTGT; Nhà phân phối thanh toán đầy đủ tiền hàng; Công ty giao hàng cho Nhà phân phối.

Tuy nhiên để hỗ trợ và tạo điều kiện kinh doanh cho Nhà phân phối, đôi khi nguyên đơn đồng ý cho Nhà phân phối thanh toán sau khi nhận hàng. Do đó, việc mua bán, giao nhận và thanh toán theo thực tế có thể diễn ra theo thứ tự như sau: Nhà phân phối đặt hàng; Nguyên đơn thông báo lịch thanh toán và ngày giao hàng; Nguyên đơn xuất hóa đơn GTGT; Nguyên đơn giao và Nhà phân phối Nhận hàng, nhận hóa đơn GTGT; Nhà phân phối thanh toán đầy đủ tiền hàng.

Theo Đơn xin mua hàng trả chậm đề ngày 07/10/2019, Bà Ngô Thị H đề nghị được mua hàng trả chậm với số tiền là 403.000.000đồng (trả chậm làm 03 đợt, đợt 1 trả 40% vào tuần thứ 4 của tháng 11/2019, đợt 2 trả 40% vào tuần thứ 5 của tháng 12/2019, đợt 3 trả hết 20% còn lại vào ngày 21/01/2020) và được sự chấp thuận của nguyên đơn. Thực hiện theo Đơn xin mua hàng trả chậm, nguyên đơn đã giao hàng và xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số 0119569, 0119570, 0119571, 0119572, 0119573 ngày 07/10/2019 và các hóa đơn số 0120400, 0120401, 0120402, 0120478 ngày 08/10/2019 với số tiền tổng cộng mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 402.977.949đồng.

Tuy nhiên, phía bị đơn không thanh toán như cam kết tại Đơn xin mua hàng trả chậm ngày 07/10/2019. Sau nhiều lần nhắc nợ, cản trừ nợ, phía bị đơn còn nợ lại số

tiền 381.936.480đồng. Căn cứ theo Điều 5, Điều 6.8 và Điều 6.19 Hợp đồng; Khoản 1 Điều 440 Luật Dân sự 2015; Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại 2005: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khoản nợ gốc là 381.936.480đồng, và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 22/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc 381.936.480đồng với lãi suất theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn có ý kiến như sau: Nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn số tiền 3.586.800đồng là tiền nguyên đơn hỗ trợ chi phí giao hàng đêm trong hai tháng 8+9/2019 cho bị đơn, do nhân viên của nguyên đơn có xác nhận số tiền này. Nguyên đơn yêu cầu đình chỉ giải quyết các yêu cầu phản tố còn lại của bị đơn liên quan đến chương trình “Bán hàng ưu đãi Tết 2020” (“At Work 2020”) gồm yêu cầu thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển và hỗ trợ chênh lệch giá bán do hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2005. Vì chương trình “Bán hàng ưu đãi Tết 2020” diễn ra từ ngày 11/11/2019 đến hết ngày 24/01/2020 và thời hạn thanh toán là trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình. Bị đơn không có tham gia chương trình này, cụ thể là bị đơn không có ký Phụ lục hợp đồng để thỏa thuận tham gia chương trình này với nguyên đơn. Trong trường hợp, Tòa án không đình chỉ giải quyết thì nguyên đơn cũng không đồng ý đối với các yêu cầu phản tố còn lại này của bị đơn do bị đơn không tham gia chương trình, và cũng không cung cấp đủ bộ chứng từ thanh toán gồm: Bản sao Hợp đồng Mua Bán có dấu mộc của Công ty/Công đoàn Công ty mua hàng, bản sao hóa đơn tài chính (Hóa đơn đỏ) nếu Nhà phân phối có chức năng xuất hóa đơn, biên bản xác nhận sản lượng giao hàng (có xác nhận dấu mộc của hai bên), cung cấp hình ảnh công ty mua hàng (chụp rõ hình ảnh và bảng hiệu của công ty). Vì vậy, nguyên đơn không thể nào xem xét giải quyết các yêu cầu thanh toán của bị đơn.

Đối với các tài liệu, chứng cứ (do các bên giao nộp cho Tòa án và Tòa án thu thập được) có tiếng Việt và tiếng nước ngoài (song ngữ) thì nguyên đơn đồng ý sử dụng nội dung tiếng Việt để làm căn cứ giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu phải dịch thuật các tài liệu này. Nguyên đơn không biết địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông Nguyễn Văn Hồng P và ông Phạm Đức H1 nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng thừa nhận các nội dung email do phía bị đơn cung cấp là của các nhân viên Công ty TNHH C trao đổi với các khách hàng, trong đó có bị đơn liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa giữa hai bên.

Theo bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố, bị đơn Bà Ngô Thị H có người đại diện theo ủy quyền là Ông Lê Nhật A trình bày:

Ngày 12/12/2018, giữa Hộ kinh doanh do Bà Ngô Thị H là chủ (tên dùng trong giao dịch là Nhà phân phối Ng, gọi tắt là Nhà phân phối) đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 70193744/2018/HĐMB/CCBVL, với các nội dung chính như sau:

- Công ty TNHH C chấp thuận cho Nhà phân phối được quyền tiếp thị và phân phối các sản phẩm của Công ty TNHH C trong khu vực địa lý được thống nhất giữa hai bên, có thời hạn hiệu lực là 03 năm.

- Phương thức thanh toán là Nhà phân phối sẽ chuyển khoản trước đầy đủ số tiền vào tài khoản của Công ty TNHH C (Điều 5) và việc giao hàng chỉ được thực hiện sau khi Nhà phân phối đã thanh toán tiền hàng (Điều 8.2).

- Phương thức phân phối là nhân viên bán hàng của Nhà phân phối hàng ngày thăm các cửa hiệu hoặc bất cứ nơi nào có nhu cầu sử dụng sản phẩm của Công ty

TNHH C để yêu cầu mua hàng và Nhà phân phối có trách nhiệm giao hàng ngay lập tức khi có yêu cầu (Điều 8.3).

- Công ty TNHH C cam kết cung cấp những thông tin và hỗ trợ mà Nhà phân phối yêu cầu một cách hợp lý nhằm tạo điều kiện cho Nhà phân phối thực hiện một cách đầy đủ và hiệu quả các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng (Điều 7.2).

Vào tháng 9, 10 và 11/2019, Công ty TNHH C tự ý ngưng phân công người quản lý giám sát và nhân viên bán hàng tại Nhà phân phối, dẫn đến việc nhân viên làm việc kém hiệu quả khiến cho doanh số bán hàng từ nhân viên rất thấp.

Ngày 23/12/2019, Nhà phân phối Nhận được email từ Công ty TNHH C (ông Phạm Đức H1), thông báo chấm dứt Hợp đồng với Nhà phân phối với lý do Nhà phân phối không đạt doanh số theo yêu cầu trong 03 tháng (tháng 9-11/2019). Như vậy, Công ty TNHH C đã chấm dứt hợp đồng trái pháp luật.

Vào năm 2018, Công ty TNHH C có gửi cho Nhà phân phối một bản bảo lãnh số FNGVNM807581 do Ngân hàng HSBC phát hành. Sau đó, dựa trên văn bản này của HSBC, Nhà phân phối đã liên hệ với Ngân hàng BIDV để ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2018/10462001/HĐBL vào ngày 23/10/2018. Sau đó, công nợ phát sinh của Nhà phân phối với Công ty TNHH C đã được tất toán thông qua Bảo lãnh thanh toán số FNGVNM807581 lập ngày 01/11/2018 vào khoảng tháng 10/2019. Mặt khác, nếu còn tồn đọng khoản nợ của Nhà phân phối thì bắt buộc phải có chứng thư bảo lãnh nên việc phát sinh khoản nợ của Nhà phân phối khi chưa có chứng thư bảo lãnh là hoàn toàn không thể xảy ra trên thực tế.

Từ các lý do trên, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu Công ty TNHH C phải thanh toán cho Bà Ngô Thị H số tiền 268.346.800đồng gồm: Chi phí hỗ trợ giao hàng đêm trong hai tháng 8-9/2019 là 3.586.800đồng; Thanh toán các khoản ưu đãi khi Nhà phân phối tham gia chương trình “TẾT 2020” gồm: Hỗ trợ chi phí vận chuyển là 53.196.000đồng và hỗ trợ chênh lệch giá bán ra là 211.564.000đồng.

- Về hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng đêm: Ngày 07/11/2019, thông qua email “Đề nghị thanh toán cho Nhà phân phối về chi phí nhận hàng đêm từ tháng 8/2019 đến nay”, đại diện Công ty TNHH C đã duyệt đề nghị thanh toán các khoản chi phí cho việc nhận hàng vào ban đêm trong tháng 8 và tháng 9/2019 là 3.586.800đồng. Tuy nhiên đến giờ, Nhà phân phối vẫn chưa nhận được khoản hỗ trợ này.

- Về thanh toán các khoản ưu đãi khi Nhà phân phối tham gia chương trình “TẾT 2020” gồm hỗ trợ chi phí vận chuyển và chênh lệch giá. Ngày 02/11/2019, Công ty TNHH C đã gửi email thông báo chương trình TẾT 2020 (bắt đầu từ tháng 11/2019), với các nội dung chính sau:

• Khi Công ty tham gia TẾT 2020 ký kết mua hàng thông qua Nhà phân phối, Nhà phân phối phải cung cấp Biên bản xác nhận sản lượng mua hàng giữa Nhà phân phối với Doanh nghiệp/ Công ty tham gia mua hàng (có đóng dấu xác nhận) để được hưởng ưu đãi từ chương trình.

• Công ty TNHH C sẽ hỗ trợ thanh toán chi phí vận chuyển cho Nhà phân phối là 4.000 VND/thùng trong tất cả các trường hợp mà bên Nhà phân phối bán trực tiếp cho Khách hàng theo Chương trình này.

▪ Chứng từ thanh toán bao gồm: Bản sao Hợp đồng Mua Bán có dấu mộc của Công ty/ Công đoàn Công ty mua hàng, bản sao Hóa đơn Tài Chính (Hóa đơn đỏ) nếu Nhà phân phối có chức năng xuất hóa đơn, Biên bản xác nhận sản lượng giao hàng (có xác nhận dấu mộc của hai bên), Cung cấp hình ảnh công ty mua hàng (chụp rõ hình ảnh và bảng hiệu của công ty).

▪ Nhà phân phối khi bán cho Công ty/ Doanh nghiệp theo giá khuyến mãi sẽ được Công ty TNHH C bù hỗ trợ cho phần chênh lệch đã bán ra theo nguyên tắc Giá bù/ Thùng - (trừ) Giá thực bán của gói khuyến mãi trừ thống nhất (Chênh lệch = Giá thông báo bán lẻ - Giá bán thực tế).

Căn cứ vào các Biên bản xác nhận sản lượng và doanh số bán hàng cho kênh TẾT 2020 lập vào các ngày 4, 5 và 6/12/2019 (đã được ký xác nhận bởi đại diện Công ty TNHH C là ông Phạm Đức H1) tổng sản lượng thùng (hoặc lốc) bán cho các Công ty tham gia chương trình được tổng hợp như sau:

Mặt hàng	Sản lượng (thùng hoặc lốc) (1)	Giá thông báo bán lẻ (VND/thùng hoặc lốc) (2)	Giá bán thực tế (VND/thùng hoặc lốc) (3)	Chênh lệch giá bán (VND/thùng hoặc lốc) (4) [= (2)-(3)]	Mức chênh lệch cần hỗ trợ (VND) (5) [= (1)x(4)]
Coca 250 ml	820	160.000	146.000	14.000	11.480.000
Coca 330 ml	2.452	196.000	187.000	9.000	22.068.000
Coca 390 ml	5.280	140.000	122.000	18.000	95.040.000
Coca 1.5 lít	2.780	196.000	178.000	18.000	50.040.000
Nutri cam 297 ml	250	220.000	194.000	26.000	6.500.000
Nutri dâu 297 ml	210	220.000	194.000	26.000	5.460.000
Fanta 250 ml	980	156.000	146.000	10.000	9.800.000
Fanta 330 ml	178	170.000	164.000	6.000	1.068.000
Fanta Xì 330 ml	80	170.000	118.000	52.000	4.160.000
Sprite 330 ml	132	180.000	164.000	16.000	2.112.000
Sprite 1.5 lít	137	190.000	162.000	28.000	3.836.000
TỔNG CỘNG	13.299				211.564.000

Từ Bảng liệt kê trên, Công ty TNHH C phải chi trả lại cho Nhà phân phối các chi phí liên quan đến chương trình TẾT 2020 bao gồm:

- Tổng hỗ trợ chi phí vận chuyển = 13.299 thùng x 4.000 VND/thùng = 53.196.000 VND (Năm mươi ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Tổng hỗ trợ chênh lệch giá đã bán ra = 211.564.000 VND (Hai trăm mười một triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Vào tháng 9, 10 và 11/2019, Công ty TNHH C tự ý ngưng phân công người quản lý giám sát và nhân viên bán hàng tại Nhà phân phối, dẫn đến việc doanh số bán hàng rất thấp. Sau đó, Nhà phân phối đã báo cáo việc này với đại diện, đồng thời là quản lý của Coca Cola tại Nhà phân phối là ông Phạm Đức H1 (chức vụ là ASM – Giám đốc bán hàng khu vực) nhưng Công ty TNHH C vẫn không đưa ra giải pháp để

hỗ trợ Nhà phân phối mà vẫn tiến hành giao hàng ở ạt trong các ngày 07-08/10/2019. Công ty TNHH C đã không làm tròn trách nhiệm của mình và vi phạm Điều 7.2 Hợp đồng.

Ngày 23/12/2019, Công ty TNHH C có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, trái nội dung Điều 9.1 Hợp đồng và để mặc cho hậu quả xảy ra. Điều này, làm cho các đại lý, cửa hàng do Nhà phân phối bán hàng, ngưng hợp tác và không thanh toán công nợ còn tồn dẫn đến Nhà phân phối mất khả năng thanh toán. Do đó, Công ty TNHH C phải chịu trách nhiệm về những hậu quả do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật của mình gây ra theo Điều 351 Bộ luật dân sự 2015.

Việc Công ty TNHH C căn cứ vào Thư xác nhận công nợ phát sinh đến ngày 30/9/2019 để yêu cầu Bà H thanh toán số tiền còn nợ là không có cơ sở vì người ký công nợ không phải là người đại diện hợp pháp của Nhà phân phối. Nhà phân phối là do Bà Ngô Thị H đại diện và Hợp đồng ký ngày 12/12/2018, Đơn xin mua hàng trả chậm ngày 07/10/2019 đều do Bà Ngô Thị H ký tên. Tuy nhiên, Thư xác nhận công nợ phát sinh đến ngày 30/9/2019 lại do bà Nguyễn Thụy Thảo V ký và không ghi ngày tháng năm ký tên. Vì vậy, Thư xác nhận công nợ phát sinh đến ngày 30/9/2019 không hợp pháp và không có giá trị pháp lý.

Đối với yêu cầu phản tố của Bà Ngô Thị H ngày 13/4/2023: Thống nhất với trình bày của Bà Ngô Thị H tại Đơn yêu cầu phản tố, đồng thời cũng đề nghị Hội đồng xét xử lưu ý thêm về việc trước đây Nhà phân phối cũng đã tham gia Chương trình tết của Công ty TNHH C các năm trước đây và cũng từng được thanh toán các ưu đãi từ chương trình tết 2018 với tổng số tiền 249.633.788đồng.

Đối với các tài liệu, chứng cứ (do các bên giao nộp cho Tòa án và Tòa án thu thập được) có tiếng Việt và tiếng nước ngoài (song ngữ) thì bị đơn đồng ý sử dụng nội dung tiếng Việt để làm căn cứ giải quyết vụ án, bị đơn không yêu cầu phải dịch thuật các tài liệu này. Bị đơn không biết địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông Nguyễn Văn Hồng P và ông Phạm Đức H1 nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Kim C trình bày:

Bà C xác nhận có ký tên (chữ ký mẫu) tại Phụ lục 5 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 70193744/2018/HĐMB/CCBVL ngày 12/12/2018 giữa Công ty TNHH C và Nhà phân phối Ng (Bà Ngô Thị H làm chủ) do bà C được Bà H ủy quyền nhận hàng, giải quyết công việc, ký một số hóa đơn chứng từ liên quan đến việc mua bán hàng hóa. Bà C đã ký tên nhận các hóa đơn số 0119569, 0119570, 0119571, 0119572, 0119573, 0120400, 0120401, 0120402, 0120478. Trong các hóa đơn trên, có cái trả tiền nhận hàng, có cái chưa trả tiền, bà C không nhớ chính xác. Bà C là người làm cho Bà H. Ngoài ra, bà C không có liên quan gì khác.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thụy Thảo V trình bày:

Bà V là con gái của Bà H. Bà V xác nhận có ký tên (chữ ký mẫu) tại Phụ lục 5 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 70193744/2018/HĐMB/CCBVL ngày 12/12/2018 giữa Công ty TNHH C và Nhà phân phối Ng (Bà Ngô Thị H làm chủ) do bà V được Bà H ủy quyền ký hóa đơn giao nhận hàng hóa. Bà V có ký Thư xác nhận công nợ ngày 30/9/2019. Số tiền nợ 981.037.660đồng đã được tất toán với bên Công ty TNHH C theo thư bảo lãnh giữa Bà H và Công ty TNHH C vào tháng 10/2019. Liên quan đến

đơn xin mua hàng trả chậm, bà V chỉ biết Công ty TNHH C cho về hàng tết để giao tết cho các công ty mua hàng dưới sự giám sát của nhân viên Công ty TNHH C cử xuống nhà phân phối. Ngoài ra, bà V không biết chuyện gì hết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thương mại Ng vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Bà Ngô Thị H (chấp nhận yêu cầu thanh toán chi phí giao hàng đêm 3.586.800đồng) và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu phản tố còn lại do hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, cùng văn bản trả lời của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Hóc Môn thì đủ cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41S8019471 cho hộ kinh doanh Ngô Thị H (đại diện hộ kinh doanh là Bà Ngô Thị H). Ngày 19/02/2020, Bà Ngô Thị H nộp hồ sơ chấm dứt kinh doanh và Phòng kinh tế đã ban hành Thông báo số 276/TB-KT ngày 19/02/2020 thông báo hộ kinh doanh do Bà Ngô Thị H làm đại diện chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày 19/02/2020. Căn cứ khoản 1 Điều 79, Điều 81 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp thì Bà Ngô Thị H được xác định là bị đơn trong vụ án.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có yêu cầu Tòa án triệu tập ông Nguyễn Văn Hồng P và ông Phạm Đức H1 tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án nhưng các đương sự cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều không cung cấp được địa chỉ của ông H1, ông P nên Tòa án không thể triệu tập ông H1, ông P làm chứng trong vụ án.

[4] Toà án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Mặc dù tại Hợp đồng mua bán hàng hóa số 70193744/2018/HĐMB-CCBVL (Hợp đồng) ngày 12/12/2018 ghi hai bên tham gia giao dịch là “Bên A: Công ty TNHH C” và “Bên B: Nhà phân phối Ng”, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của các đương sự, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41S8019471 đăng ký lần đầu ngày 06/11/2015 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp, Giấy chứng nhận đăng ký thuế ngày 16/11/2015 do Chi cục thuế huyện Hóc Môn cấp cho hộ kinh doanh Bà Ngô Thị H (mã số thuế 8295652891), các thông tin của “Bên B” trong Hợp đồng (địa chỉ kinh doanh, người đại diện, mã số thuế) thì đủ cơ sở xác định Hợp đồng được giao kết giữa Công ty TNHH C và Hộ kinh doanh do Bà Ngô Thị H làm chủ, với nội dung như sau: Hộ kinh doanh Bà Ngô Thị H (Nhà phân phối) được quyền tiếp thị và phân phối sản phẩm của Công ty TNHH C trong khu vực địa lý mà Công ty TNHH C cung cấp, thời hạn hợp đồng 03 năm (từ ngày 12/12/2018 đến ngày 12/12/2021). Công ty TNHH C sẽ bán sản phẩm cho Nhà phân phối theo mức giá do Công ty TNHH C quy định tùy từng thời điểm. Khi mua sản phẩm, Nhà phân phối phải thực hiện đúng theo quy trình mua hàng và bán hàng do Công ty TNHH C quy định từng thời điểm.

[5.2] Căn cứ Phụ lục 5 của Hợp đồng, Bà Ngô Thị H ủy quyền cho bà Nguyễn Thụy Thảo V và Bà Trần Thị Kim C thay mặt và đại diện cho Bà H trong mọi giao dịch với Công ty TNHH C và Bà H chịu mọi trách nhiệm pháp lý phát sinh từ văn bản, chứng từ hay thông báo, kê cả hóa đơn do bà C, bà V ký tên. Từ lời khai của bà C, bà V có căn cứ xác định: Bà V có ký tên tại Thư xác nhận công nợ ngày 30/9/2019 (theo nội dung Thư xác nhận công nợ thì tính đến ngày 30/9/2019, Nhà phân phối Ng còn nợ Công ty TNHH C số tiền nợ nước là 981.037.660đồng và tiền vò, pallet, CO2 là 52.554.000đồng). Bà C đã ký tên nhận các hóa đơn số 0119569, 0119570, 0119571, 0119572, 0119573, 0120400, 0120401, 0120402, 0120478 và thừa nhận trong các hóa đơn trên, có cái đã trả tiền, có cái chưa trả tiền. Điều này cho thấy, giữa Công ty Coca-Cola và Hộ kinh doanh của Bà Ngô Thị H có thực tế tồn tại trường hợp mua hàng và nợ tiền thanh toán như lời trình bày của nguyên đơn.

[5.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định khoản nợ theo Thư xác nhận công nợ ngày 30/9/2019 đã được phía bị đơn thanh toán hết. Hiện nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo Đơn xin mua hàng trả chậm ngày 07/10/2019 cho các đợt giao hàng ngày 7-8/10/2019 có xuất hóa đơn giá trị gia tăng cùng ngày. Căn cứ Đơn xin mua hàng trả chậm ngày 07/10/2019 (bị đơn không phản đối đối với chứng cứ này và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn thừa nhận bị đơn có ký văn bản này nên nguyên đơn không phải chứng minh), thì Bà H đề nghị được mua hàng trả chậm cho công nợ hết, hạn mức trả chậm là 403.000.000đồng, kỳ hạn trả chậm là 40% W4-Tháng 11-2019, 40% W5-Tháng 12-2019, 20% W3-Tháng 1-2020 (21/01/2020) và đã được ký chấp thuận. Căn cứ các hóa đơn giá trị gia tăng số 0119569, 0119570, 0119571, 0119572, 0119573 ngày 07/10/2019 và các hóa đơn số 0120400, 0120401, 0120402, 0120478 ngày 08/10/2019 (số tiền mua bán theo các hóa đơn tổng cộng là 402.977.949đồng, những thông tin giao hàng khác ghi trên hóa đơn là “CONG NO TET CAN”) và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng thừa nhận việc Công ty TNHH C có giao hàng vào các ngày 7 và 8/10/2019. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định có sự việc Hộ kinh doanh Bà Ngô Thị H nhận hàng trước và thanh toán sau theo Đơn xin mua hàng trả chậm ngày 07/10/2019 với số tiền tổng cộng là 402.977.949đồng.

[5.4] Đối với việc Bà H, bà V cho rằng dù có nợ tiền thì cũng đã được thanh toán bằng thư bảo lãnh thanh toán số FNGVNM807581 lập ngày 01/11/2018. Hội đồng xét xử nhận định như sau: Theo kết quả trả lời của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (HSBC) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thì Thư bảo lãnh số FNGVNM807581 trị giá 1.000.000.000đồng (cho Bên thụ hưởng là Công ty TNHH C), bảo lãnh đối ứng thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 70193744/HĐMBHH-CCBVL ngày 23/01/2017 và Đơn xin trả chậm ngày 02/10/2018 của Công ty TNHH Thương mại Ng (Bên được bảo lãnh). Vào ngày 02/10/2019, Ngân hàng nhận được yêu cầu đòi tiền hợp lệ từ Bên thụ hưởng với số tiền yêu cầu thanh toán là VND 994.383.989. Ngày 09/10/2019, Ngân hàng tiến hành thanh toán toàn bộ số tiền VND 994.383.989 cho Công ty TNHH C. Thư bảo lãnh sau đó đã hết hạn vào ngày 30/10/2019 và hiện tại không còn số dư tại Ngân hàng. Như vậy, việc bảo lãnh thanh toán như trên là để đảm bảo thực hiện thanh toán cho hợp đồng mua bán hàng hóa khác giữa Công ty TNHH C và Công ty TNHH Nước giải khát Nam Hưng (do Bà Ngô Thị H là người đại diện pháp luật), đã tắt toán vào ngày 02/10/2019 và không có liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH C và Hộ kinh doanh của Bà Ngô Thị H. Vì vậy, việc bị đơn trình bày đã thanh toán hết tiền cho nguyên đơn là không có căn cứ.

[5.5] Đối với việc bị đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn không đồng ý thanh toán vì cho rằng bị đơn mất khả năng thanh toán do nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật làm bị đơn bị thiệt hại: Hội đồng xét xử nhận định bị đơn không có yêu cầu bồi thường thiệt hại cụ thể, không chứng minh được có thiệt hại xảy ra, và các bên cũng không thỏa thuận việc miễn trừ nghĩa vụ thanh toán nếu có việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên không có căn cứ để xem xét, chấp nhận lời trình bày này của phía bị đơn.

[5.6] Hiện nay, phía bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán số tiền 402.977.949đồng cho nguyên đơn. Nguyên đơn trình bày do cần trừ một số khoản hỗ trợ như chi phí giao hàng đêm, các chương trình khuyến mãi cho các đơn hàng trước đó nên hiện tại nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 381.936.480đồng, điều này cũng phù hợp với lời khai của bà C (thừa nhận trong các hóa đơn trên, có cái đã trả tiền, có cái chưa trả tiền). Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[5.7] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Căn cứ thỏa thuận của các bên tại Đơn xin mua hàng trả chậm (mục V) và quy định tại Điều 305 Luật Thương mại 2005, Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi do chậm thanh toán từ ngày 22/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở để chấp nhận. Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm (của 03 ngân hàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (10,3%/năm x150%), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (10%/năm x 150%), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (12,5%/năm x 150%)) là: 16,4%/năm. Tiền lãi chậm thanh toán = 381.936.480đồng x 16,4% : 365 ngày x 1.712 ngày = 293.796.004đồng.

[5.8] Từ phân tích trên, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là: 381.936.480đồng + 293.796.004đồng = 675.732.484đồng.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của Bà Ngô Thị H, Hội đồng xét xử nhận định:

[6.1] - Về yêu cầu thanh toán khoản hỗ trợ giao hàng đêm: Công ty TNHH C đồng ý trả số tiền 3.586.800đồng như yêu cầu của Bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6.2] - Về yêu cầu thanh toán các khoản ưu đãi khi tham gia chương trình “Bán hàng ưu đãi Tết 2020” gồm hỗ trợ chênh lệch giá 211.564.000đồng và hỗ trợ chi phí vận chuyển 53.196.000đồng: Chương trình “Bán hàng ưu đãi Tết 2020” do Công ty TNHH C đưa ra diễn ra từ ngày 11/11/2019 đến hết ngày 24/01/2020 và thời hạn thanh toán là trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình. Ngày 23/12/2019, Hộ kinh doanh Bà Ngô Thị H nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng của Công ty TNHH C, đồng thời yêu cầu thanh toán công nợ, kể từ thời điểm này bị đơn đã biết quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Mặt khác, theo kết quả xác minh của Tòa án thì ngày 19/02/2020, Bà H nộp hồ sơ chấm dứt kinh doanh và Phòng kinh tế huyện Hóc Môn đã ban hành Thông báo số 276/TB-KT ngày 19/02/2020 thông báo Hộ kinh doanh do Bà H làm đại diện chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày 19/02/2020. Ngày 24/11/2020, Tòa án thụ lý vụ án do Công ty TNHH C khởi kiện Bà Ngô Thị H yêu cầu thanh toán và đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho Bà H, người đại diện theo ủy quyền của Bà H (ngày 18/01/2021) nhưng Bà H không có yêu cầu phản tố. Ngày 13/4/2023, Bà H có đơn yêu cầu phản tố là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2005 (02 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm). Do đó, căn cứ quy định điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, yêu cầu của nguyên đơn về việc đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố này của bị đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Hiện nay, hộ kinh doanh của Bà H đã chấm dứt hoạt động nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho Bà H do là người cao tuổi. Công ty TNHH C chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của Bà H được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 1 Điều 79, Điều 81 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Điều 11, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C.

Buộc Bà Ngô Thị H trả cho Công ty TNHH C số tiền 675.732.484đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Bà Ngô Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Bà Ngô Thị H. Buộc Công ty TNHH C thanh toán cho Bà H số tiền 3.586.800đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố còn lại của Bà Ngô Thị H (yêu cầu thanh toán các khoản ưu đãi khi tham gia chương trình “Bán hàng ưu đãi Tết 2020” gồm hỗ trợ chênh lệch giá 211.564.000đồng và hỗ trợ chi phí vận chuyển 53.196.000đồng).

3/ Án phí: Công ty TNHH C phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000đồng (ba triệu đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Ngô Thị H được miễn án phí.

Trả lại cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí là 10.211.634đồng, theo biên lai thu số AA/2019/0076871 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

4/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND H.HM;
- THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Phương Nam